TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIÁ RAI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 19/4/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai: Ông Phạm Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử công khai vụ án thụ lý số 339/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn S;

Địa chỉ: số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: ông PRART JETJUMNONG – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn L – Nhân viên.

Bị đơn: Ông Tạ Thành N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: khóm B, phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông L vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông N vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/10/2022 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn S (gọi tắt là Công ty S) với ông Tạ Thành N có ký kết hợp đồng cầm cố số GRT221001005NA15X, theo đó ông Tạ Thành N có cầm cho Công ty S chiếc xe ô tô tải 06 bánh BKS số

91C-035.66, loại xe THACO-FLD600B, màu xanh; số khung RNHD600CCFC055082; số máy 4100QBZLAAF15000695; giấy chứng nhận đăng ký số 000158 do Công an tỉnh B cấp ngày 27/9/2022; với số tiền 99.000.000đ; thời hạn cầm cố là 36 tháng (từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/10/2025); lãi suất là 1,1%/tháng. Công ty S đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Tạ Thành N.

Ngày 10/10/2022 giữa Công ty S và ông Tạ Thành N có làm giấy mượn xe cụ thể: Công ty S cho ông Tạ Thành N mượn lại chiếc xe ô tô tải nêu trên, thời hạn mượn là 30 ngày từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/11/2022; thỏa thuận ông N trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 2.970.000đ/tháng, trường hợp ông N thanh toán đúng hạn phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 1.980.000đ/tháng.

Do ông N vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng và không trả lại xe. Nay Công ty S yêu cầu ông Tạ Thành N trả lại chiếc xe tải 06 bánh, biển số 94C-035.66, loại xe THACO –FLD600B, theo hợp đồng cầm cố, kèm giấy mượn xe số GRT221001005NA15X. Trường hợp ông N không trả lại xe cầm cố thì yêu cầu ông N trả số tiền cầm xe là 126.870.000đ (gồm tiền gốc là 90.581.000đ, tiền lãi 6.998.000đ, phí 26.891.000đ, phí theo dõi 300.000đ mỗi tháng). Tuy nhiên nay Công ty S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N trả tiền gốc là 90.581.000đ, tiền lãi 6.998.000đ, phí 26.891.000đ, không yêu cầu trả lại chiếc xe cũng như không yêu cầu tiền phí theo dõi 300.000đ mỗi tháng với số tiền là 2.000.000đ. Ngoài ra ông N còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 10/10/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn ông Tạ Thành N từ khi Tòa án thụ lý đến khi mở phiên tòa xét xử, ông N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, mặc dù nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án đề trình bày ý kiến:

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai phát biểu ý kiến***:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Tạ Thành N có nghĩa vụ trả cho Công ty S số tiền gốc là 90.581.000đ, tiền lãi 6.998.000đ, phí 26.891.000đ. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty S về việc yêu cầu ông N trả lại chiếc xe cũng như không yêu cầu tiền phí theo dõi 300.000đ mỗi tháng. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty S yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản với bị đơn Tạ Thành N, bị đơn có địa chỉ tại thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt; ông Tạ Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của Công ty S yêu cầu ông Tạ Thành N trả số tiền gốc là 90.581.000đ, tiền lãi 6.998.000đ, phí 26.891.000đ, tổng cộng là 124.470.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy, vào ngày 10/10/2022 giữa Công ty S với ông Tạ Thành N có ký kết hợp đồng cầm cố số GRT221001005NA15X, theo đó ông Tạ Thành N có cầm cho Công ty S chiếc xe ô tô tải 06 bánh BKS số 91C-035.66, loại xe THACO-FLD600B, màu xanh; số khung RNHD600CCFC055082; số máy 4100QBZLAAF15000695; giấy chứng nhận đăng ký số 000158 do Công an tỉnh B cấp ngày 27/9/2022; với số tiền 99.000.000đ; thời hạn cầm cố là 36 tháng (từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/10/2025); lãi suất là 1,1%/tháng. Sau khi cầm cố thì do nhu cầu sử dụng xe cá nhân nên Công ty S cho ông Tạ Thành N mượn lại chiếc xe ô tô tải nêu trên, thời hạn mượn là 30 ngày từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/11/2022; thỏa thuận ông N trả phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 2.970.000đ/tháng, trường hợp ông N thanh toán đúng hạn phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 1.980.000đ/tháng. Do ông N vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng nên nay Công ty S yêu cầu ông N trả số tiền nêu trên.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho ông N; ông N nhận văn bản tố tụng của Tòa án, biết về nội dung khởi kiện của Công ty S, nhưng ông N không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, hơn nữa trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông N không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án, mặc dù Tòa án đã thông báo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng vẫn không nhận được ý kiến của ông N. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa ông Tạ Thành N với Công ty S có ký kết hợp đồng cầm cố như đã nêu trên và hiện ông N còn nợ Công ty S số tiền 124.470.000đ là có sảy ra trên thực tế. Do đó, Công ty S yêu cầu ông N trả số tiền nêu trên là có căn cứ được chấp nhận.

[4] Công ty S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông N trả lại chiếc xe cũng như không yêu cầu tiền phí theo dõi 300.000đ mỗi tháng với số tiền là 2.000.000đ. Xét thấy, việc Công ty S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của Công ty S.

[5] Từ những nhận định nêu trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S để buộc ông Tạ Thành N trả số tiền là 124.470.000đ.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ như Hội đồng xét xử nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Tạ Thành N phải nộp số tiền án phí đối với yêu cầu Công ty S được Tòa án chấp nhận. Công ty S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 309, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Buộc ông Tạ Thành N có nghĩa vụ trả cho Công ty S số tiền tính đến ngày 18/8/2023 tổng cộng là là 124.470.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Chấm dứt hợp đồng cầm cố số GRT221001005NA15X, ngày 10 tháng 10 năm 2022, giữa Công ty S và ông Tạ Thành N.

Huỷ bỏ giấy mượn xe ngày 10/10/2022, giữa Công ty S và ông Tạ Thành N.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty S yêu cầu ông Tạ Thành N trả lại chiếc xe chiếc xe ô tô tải 06 bánh BKS số 91C-035.66, loại xe THACO-FLD600B, màu xanh; số khung RNHD600CCFC055082; số máy 4100QBZLAAF15000695; giấy chứng nhận đăng ký số 000158 do Công an tỉnh B cấp ngày 27/9/2022 và yêu cầu tiền phí theo dõi 300.000đ mỗi tháng với số tiền là 2.000.000đ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Tạ Thành N phải có nghĩa vụ nộp số tiền là 6.223.500 đồng. H lại cho Công ty S số tiền đã nộp tạm ứng là 3.172.000đ theo biên lai thu số 0008259 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

-VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THADS thị xã Giá Rai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Cung